

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả thăm dò khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất sét làm gạch, ngói tại xã Phù Mỹ Nam, tỉnh Gia Lai” của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc (Trữ lượng tính đến ngày 05 tháng 4 năm 2026)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Địa chất và khoáng sản ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 18/6/2025 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất sét tại xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ (nay là xã Phù Mỹ Nam, tỉnh Gia Lai);

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 65/GP-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc;

Theo kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tại phiên họp ngày 29/4/2026; theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1048/TTr-SNNMT ngày 21/07/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất sét làm gạch, ngói tại xã Phù Mỹ Nam, tỉnh Gia Lai”, với các nội dung chính sau đây:

1. Diện tích khu vực công nhận kết quả thăm dò khoáng sản 20 ha (*Bằng chữ: Hai mươi hecta*), có tọa độ xác định tại Phụ lục I và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Công nhận trữ lượng khoáng sản đất sét làm gạch, ngói và đất san lấp đã tính trong báo cáo:

2.1. Trữ lượng khoáng sản chính: trữ lượng đất sét làm gạch ngói, cấp 121: 1.032.307 m³ (thể địa chất). Hệ số nở rời của đất sét: $K_{nr} = 1,285$.

2.2. Trữ lượng khoáng sản đi kèm: trữ lượng đất phủ làm vật liệu san lấp: 241.138 m³; Hệ số nở rời đất san lấp: $K_{nr} = 1,280$.

3. Mức sâu thấp nhất và trữ lượng của từng khối, cấp trữ lượng được công nhận được thông kê chi tiết tại Phụ lục II và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương; Chủ tịch UBND xã Phù Mỹ Nam; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chi cục ĐC&KS Miền Trung;
- CT, PCT TT: N. T. Thanh;
- Lưu: VT, N4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục I

**TỌA ĐỘ KHU VỰC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
MỎ ĐẤT SÉT LÀM GẠCH NGÓI, TẠI XÃ PHÙ MỸ NAM, TỈNH GIA LAI**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

Điểm góc	Hệ toạ độ VN-2000 <i>Kinh tuyến trục 108⁰15', múi chiếu 3⁰</i>	
	X(m)	Y(m)
1	1.563.233	583.105
2	1.563.162	583.476
3	1.562.630	583.271
4	1.562.694	583.031
5	1.562.885	582.956
Diện tích: 20 ha		

Phụ lục II
THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN MỎ ĐẤT SÉT LÀM GẠCH, NGÓI
TẠI XÃ PHÙ MỸ NAM, TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Khối – cấp trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối (m)	Trữ lượng (m ³)	Ghi chú
I	Khoáng sản đất sét làm gạch ngói (khoáng sản chính)			
1	1-121	+25,7 m	238.014	
2	2-121	+24,5 m	280.860	
3	3-121	+24,5 m	321.644	
4	4-121	+33,8 m	191.789	
Cộng 121:			1.032.307	
II	Khoáng sản đất làm vật liệu san lấp, đắp nền móng công trình (khoáng sản đi kèm)			
1	K-1	+31,2 m	55.352	
2	K-2	+32,6 m	78.641	
3	K-3	+33,5 m	76.322	
4	K-4	+40,2 m	30.823	
Cộng:			241.138	